CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Đức Trung

Ngày 31/12/2025	2,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.7%	**-4.0%**	**-7.7%**

DT thuần
Q4/25
151
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 49.0| 48.2%
YoY: ▲ 2.00| 1.4%

LN thuần
Q4/25
0.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.02| 42.8%
YoY: ▼0.06| -52.4%

LN sau thuế
Q4/25
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.02| 52.8%
YoY: ▲ 0.01| 14.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
2.7%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE
2025
0.2%
YoY: +/-▲ 0.0%

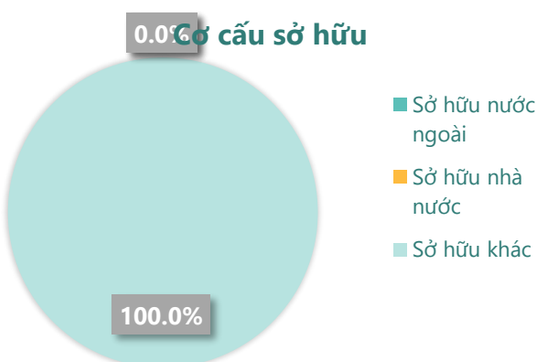
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,800 - 3,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32
Số lượng CPLH (CP)	13,488,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,500
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.18
EPS	16
P/E	148.3

DT thuần
2025
600
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.0| -3.3%

LN thuần
2025
0.31
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.14| -31.7%

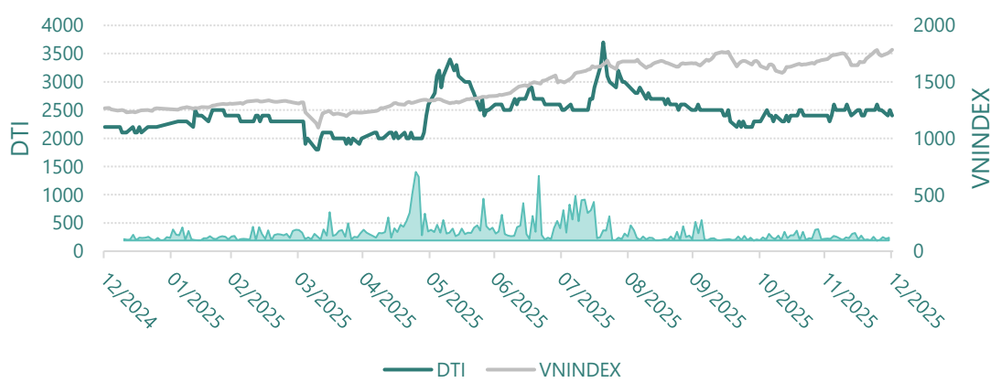
LN sau thuế
2025
0.22
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.04| 24.1%

Cơ cấu sở hữu

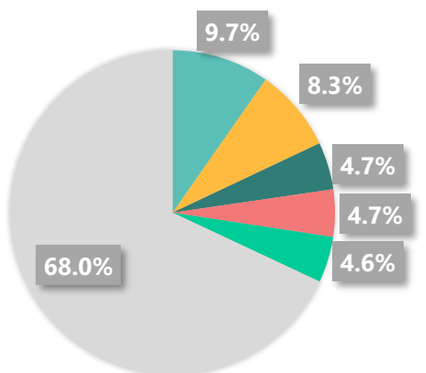


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

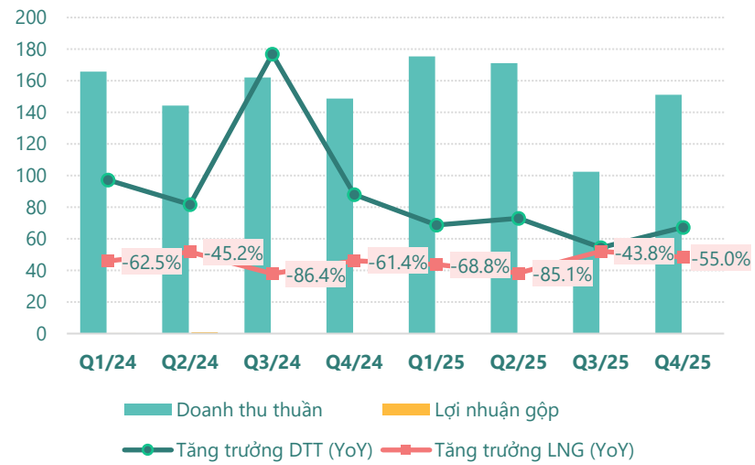


- La Mỹ Hoàng
- Trần Đăng Quân (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Văn Minh
- Đoàn Thị Quỳnh Trang (Kế toán trưởng)
- Tạ Thị Dinh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

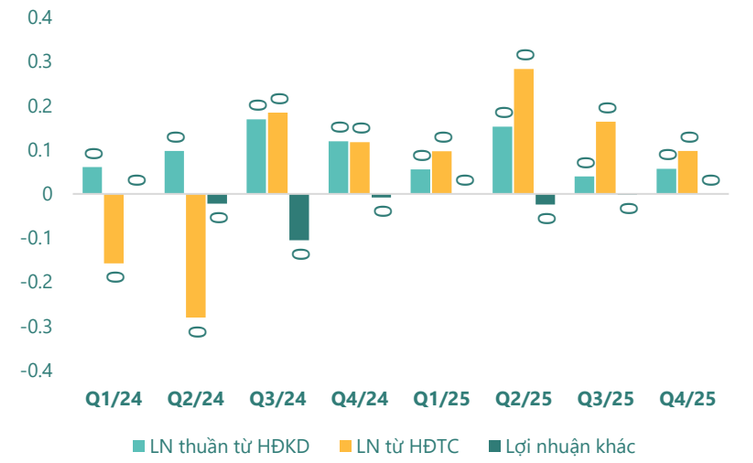
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



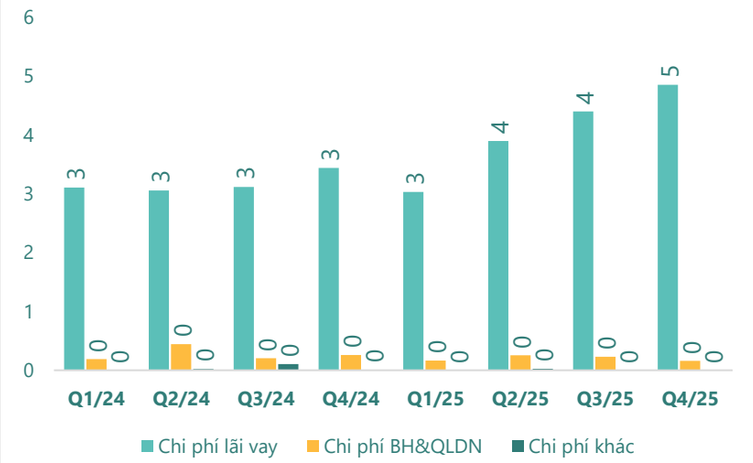
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



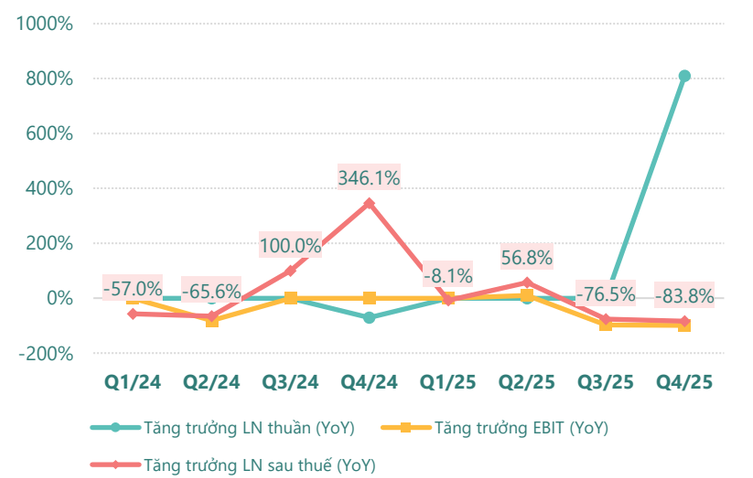
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



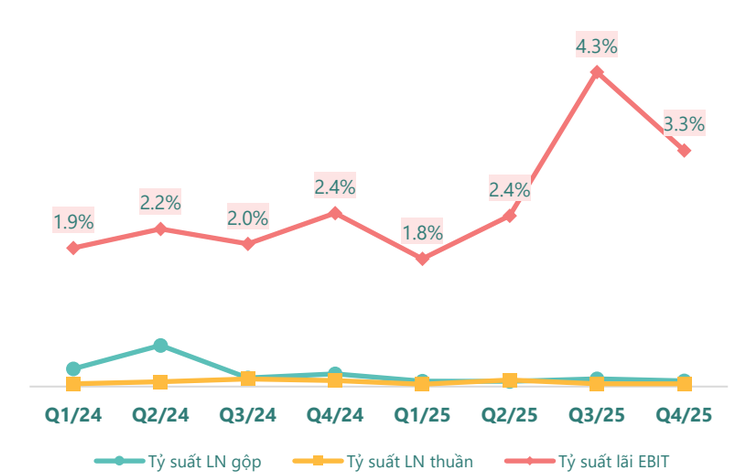
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



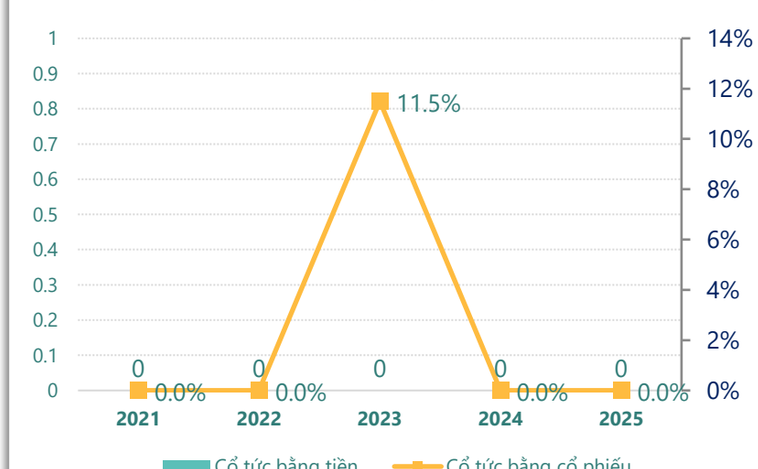
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

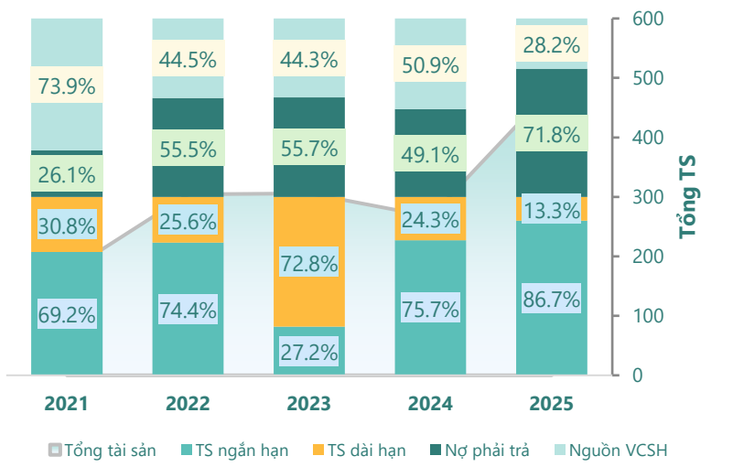
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

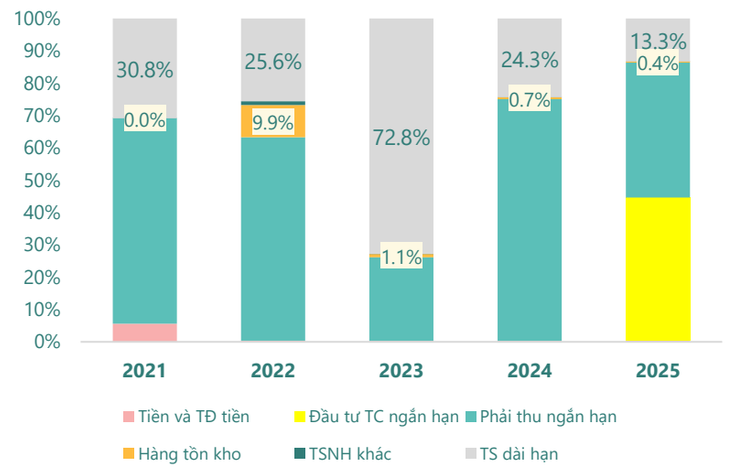
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



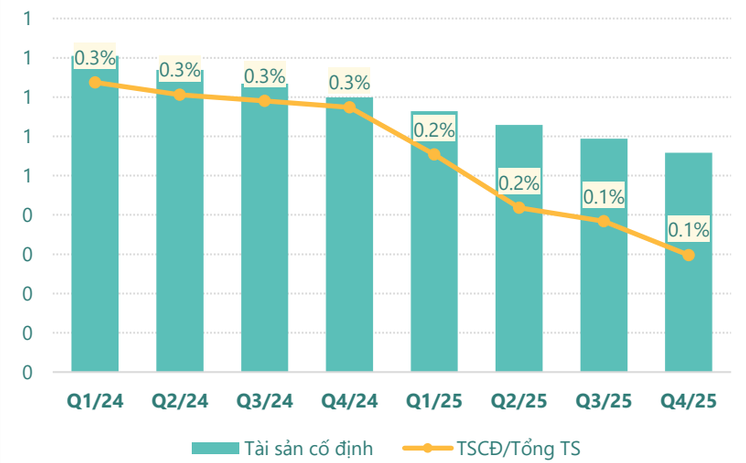
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



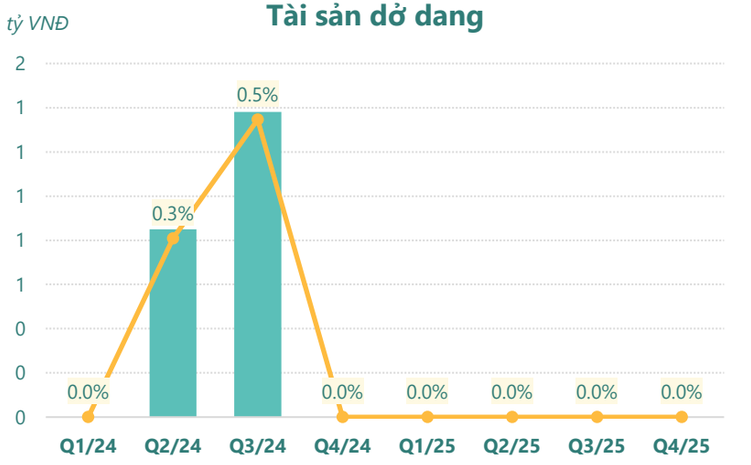
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



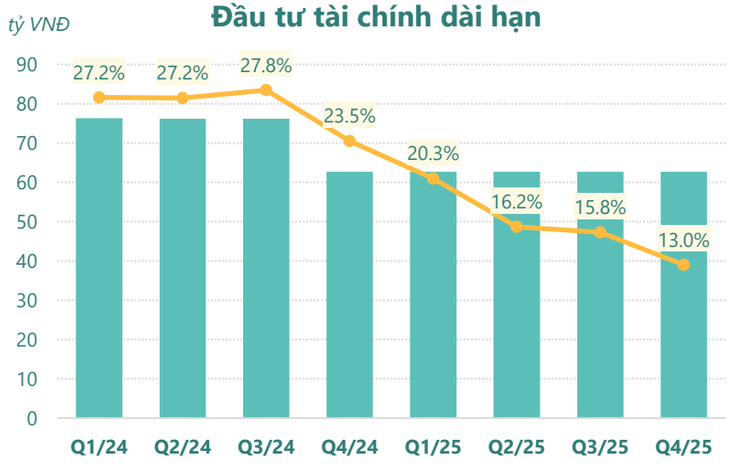
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



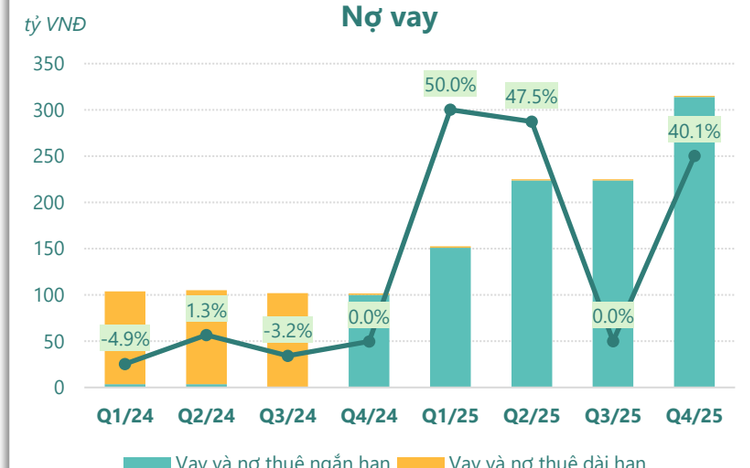
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

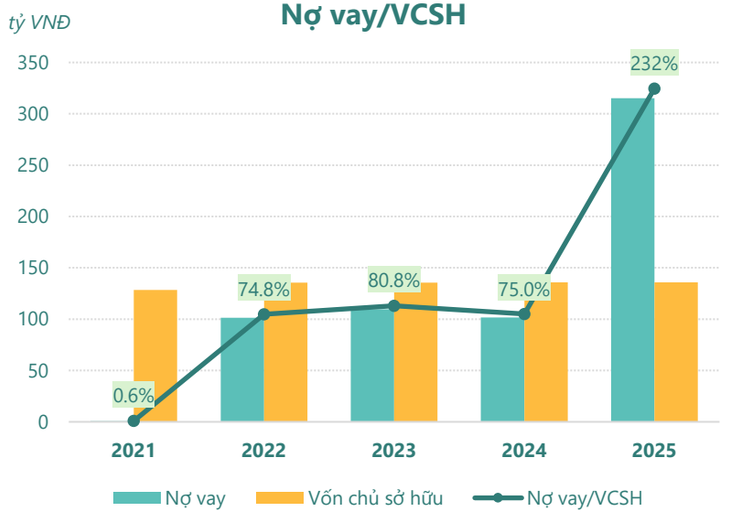
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



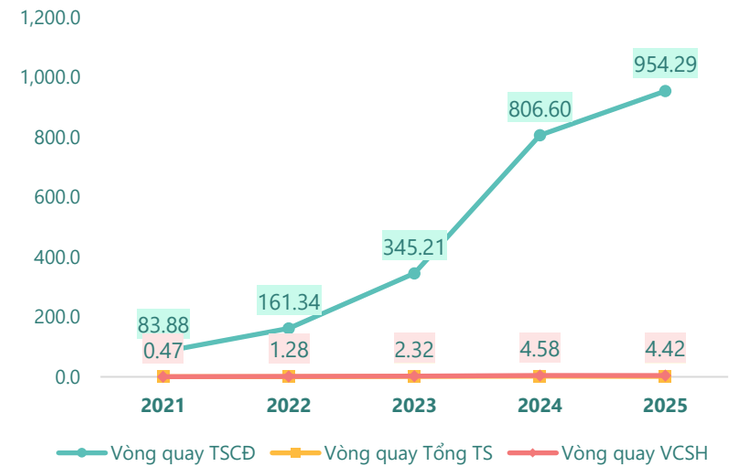
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



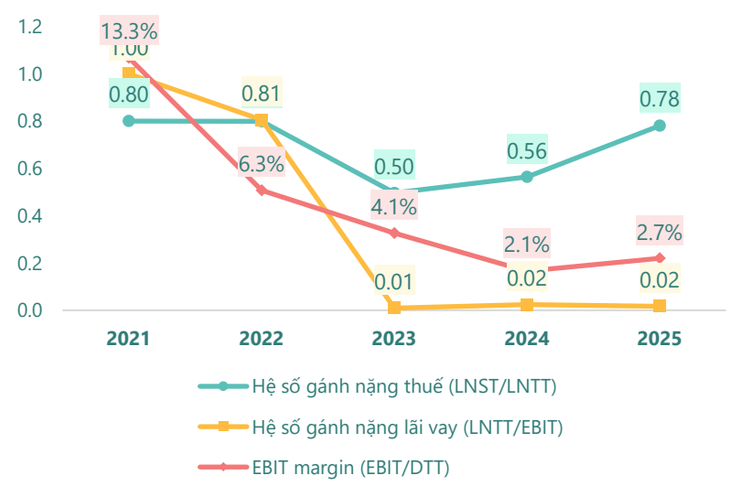
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



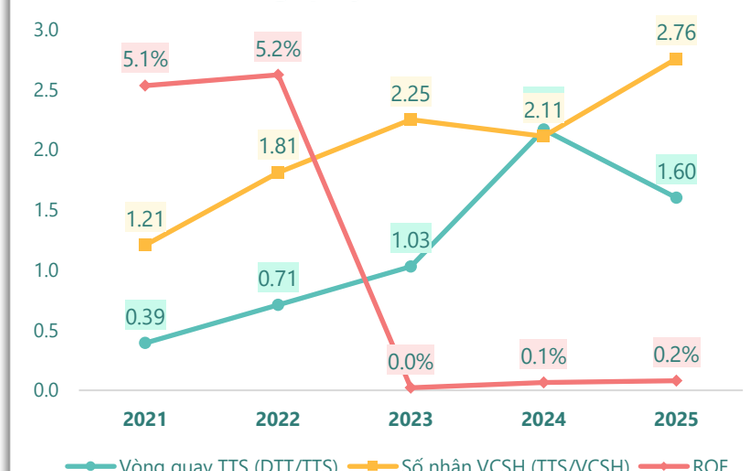
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



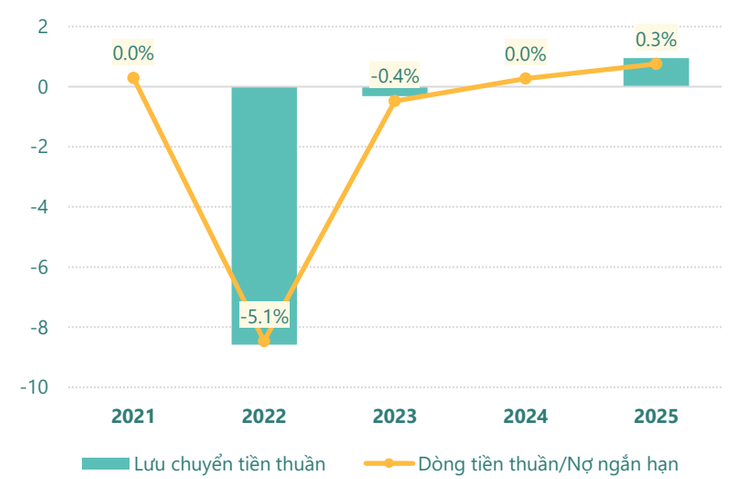
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**151**	**149**	**1.4%**	**600**	**621**	**-3.3%**
Giá vốn hàng bán	151	148	2.0%	600	619	-3.1%
Lợi nhuận gộp	0.12	0.26	-54.6%	0.47	1.68	-71.7%
Doanh thu HĐTC	5.00	3.51	42.6%	17.0	13.1	30.1%
Chi phí TC	4.91	3.39	44.8%	16.4	13.2	23.9%
Chi phí lãi vay	4.86	3.44	41.2%	16.2	12.5	29.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.16**	**0.26**	**-39.2%**	**0.81**	**1.10**	**-26.1%**
LN thuần từ HĐKD	0.06	0.12	-52.4%	0.31	0.45	-31.7%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.01**	**102%**	**-0.03**	**-0.14**	**80.7%**
LN trước thuế	0.06	0.11	-47.9%	0.28	0.31	-10.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0.05**	**0.04**	**14.6%**	**0.22**	**0.18**	**24.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.05**	**0.04**	**14.6%**	**0.22**	**0.18**	**24.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.53	-12.1	-0.69	-32.1	-1.94	2.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.11	11.8	-49.2	-40.1	2.24	-93.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.34	-0.04	50.9	72.4	-0.04	90.2
Tiền đầu kỳ	3.11	1.18	0.78	1.80	2.05	2.30
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.93**	**-0.40**	**1.01**	**0.25**	**0.25**	**-0.57**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.18	0.78	1.80	2.05	2.30	1.73

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**482**	**267**	**80.9%**
Tài sản ngắn hạn	418	202	107%
Tiền và tương đương tiền	1.73	0.78	121%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	214	0	
Phải thu ngắn hạn	201	199	1.0%
Hàng tồn kho	1.85	1.85	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.07	-71.6%
Tài sản dài hạn	**63.9**	**64.8**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.56	0.70	-20.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	62.7	62.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.68**	**1.36**	**-49.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	346	131	164%
Nợ ngắn hạn	**345**	**129**	**167%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	314	100	213%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.6	12.8	-9.5%
Nợ dài hạn	1.42	1.58	-10.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.42	1.58	-10.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**136**	**136**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**136**	**136**	**0.2%**
Vốn điều lệ	135	135	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)